

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/5/2021.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Tài.

2. Bà Nguyễn Thị Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 277/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1993.

Trú tại: Xóm 3, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Phan Thanh H, sinh năm 1991.

Trú tại: Tổ 4, thôn 1, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: Chị và Anh Phan Thanh H tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau sau đó đi đến kết hôn với nhau vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung với cha mẹ chồng tại xã B, huyện T được thời gian. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Đến năm 2018 vợ chồng chị bắt đầu lạnh nhạt với nhau mặc dù cùng sống chung một nhà. Đến đầu năm 2020 chị chuyển ra sống riêng và vợ chồng chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn

nhau, phần ai người đó sống. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với Anh Phan Thanh H.

- Về con chung: Chị T khai vợ chồng chị có 01 con chung là Phan Thanh H1, sinh ngày 10/7/2017. Nguyên vọng của chị là xin nuôi con chung đến 18 tuổi, trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng chị không có.

- Về nợ chung: Chị T khai không có.

* Bị đơn Anh Phan Thanh H không đến Tòa án, không có bản tự khai, không trình bày tại biên bản hòa giải. Tòa án đã niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn Anh Phan Thanh H cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Anh Phan Thanh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Các văn bản đã tổng đạt, niêm yết tại nhà bị đơn và tại UBND xã B, huyện T nơi bị đơn cư trú. Nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu T và Anh Phan Thanh H có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 43, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 29/7/2016 xác định Chị T và anh H là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, Chị T xác định vợ chồng sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn theo Chị T là do vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng anh chị sống ly thân với nhau từ năm 2020 đã hơn một năm nay. Vợ chồng phần ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án muốn tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống,

nhưng anh H không đến tòa án để hòa giải. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu T xin được ly hôn với Anh Phan Thanh H.

[3] Về con chung: Theo Chị T trong quá trình chung sống, vợ chồng chị có một con chung tên là: Phan Thanh H1, sinh ngày 10/7/2017. Nguyên vọng của Chị T là xin nuôi con chung đến 18 tuổi, trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Do bị đờn anh H vắng mặt nên không thể biết nguyên vọng của anh H có muốn nuôi con hay không. Trong khi cháu H1 còn nhỏ cần phải có sự chăm sóc của mẹ. Theo đề nghị của Kiểm sát viên và nguyên vọng của Chị T, Hội đồng xét xử giao cháu H1 cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và đúng pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Tòa án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị T khai vợ chồng không nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Được tính trừ vào số tiền: 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà Chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005680 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[7] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T. Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với Anh Phan Thanh H.

2. Về con chung, nuôi con chung: Công nhận vợ chồng Chị T và anh H 01 con chung tên là: Phan Thanh H1, sinh ngày 10/7/2017.

2.1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T. Giao cháu Phan Thanh H1, sinh ngày 10/7/2017 cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị T khai vợ chồng không nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu số tiền: 300.000(Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà Chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005680 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;

- VKSND huyện T;

- Chi cục THA.DS huyện T;

- UBND xã B;

- Các bên đương sự, người liên quan

- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đặng Phùng Thành